

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022, tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Tiếp theo các Nghị quyết: số 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số/TTr-UBND, ngày ... tháng 12 năm 2021, Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS, ngày tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 từ phần vốn chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh cho 02 dự án, cụ thể như sau:

(1) Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 giao: 22.460 triệu đồng.

(2) Dự án Số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên.

- Kế hoạch vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 giao: 17.000 triệu đồng.

Điều 2. Phê duyệt và thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Điện Biên với tổng số vốn 2.754.626 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022:
Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2022 là 1.497.730 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện: 775.000 triệu đồng; Bố trí cho Dự án Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (bố trí theo số thu thực tế khi có nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện).

b) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP: 722.730 triệu đồng, bao gồm: Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối NSDP theo tiêu chí định mức 662.530 triệu đồng; Vốn xố số kiến thiết 36.000 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP 24.200 triệu đồng. Phân bổ cụ thể như sau:

(1) Phân bổ cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng (phần 30% phân cấp cho 10 huyện, thị xã, thành phố): 198.759 triệu đồng.

(2) Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 487.971 triệu đồng (bao gồm, Phần 70% cấp tỉnh quản lý: 463.771 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi NSDP: 24.200 triệu đồng), phân bổ cụ thể như sau:

- Bố trí đủ thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW là 16.880 triệu đồng.

- Bố trí đủ vốn 27.574 triệu đồng cho 04 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022.

- Bố trí đủ vốn 148.735 triệu đồng cho 11 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022 theo thời gian bố trí vốn (bao gồm cả các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định).

- Bố trí 2.000 triệu đồng cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư 10 dự án; Bố trí 500 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ quy hoạch di tích; Bố trí Vay mới, trả phí vay, lãi vay: 40.900 triệu đồng (trong đó: Bội chi NSDP 24.200 triệu đồng). Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 22.655 triệu đồng cho 03 dự án.

- Bố trí 117.000 triệu đồng cho 18 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2022).

- Bố trí 111.727 triệu đồng cho 31 dự án khởi công mới.

(3) Vốn xố số kiến thiết 36.000 triệu đồng, phương án phân bổ cụ thể như sau:

- Lĩnh vực Giáo dục đào tạo - nghề nghiệp 16.937 triệu đồng: Bố trí cho 01 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022 (880 triệu đồng); 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022 (3.967 triệu đồng); 03 dự án chuẩn bị đầu tư (4.090 triệu đồng) và 03 dự án khởi công mới (8.000 triệu đồng).

- Lĩnh vực Y tế 15.463 triệu đồng: Bố trí cho 01 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2022 (813 triệu đồng); 04 dự án chuẩn bị đầu tư (550 triệu đồng) và 07 dự án khởi công mới (14.100 triệu đồng).

- Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới 3.600 triệu đồng (10% vốn XSKT).

(Chi tiết như Biểu số 01 và 02 kèm theo)

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2022: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022 là 1.256.896 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn NSTW trong nước: 1.172.376 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài: 84.520 triệu đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao bổ sung chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 và phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 đảm bảo theo đúng hạn mức và danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết nghị. Riêng nguồn vốn NSTW năm 2022 sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao vốn, UBND tỉnh thực hiện phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của Luật đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát, xây dựng phương án điều chỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 01

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VÀ
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tại QĐ 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020	Kế hoạch HĐND tỉnh giao tại NQ 191/NQ-HĐND 08/12/2020	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 24/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/01/2022		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	2.589.428	2.595.653	1.171.215	2.302.653	2.754.626	
I	Vốn Ngân sách địa phương	853.630	859.855	545.896	839.855	1.497.730	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP theo tiêu chí, định mức	662.530	662.530			662.530	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	160.000	166.225			775.000	
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý (theo NQ 34/2016/NQ-HĐND)		27.225				
-	Vốn đầu tư từ nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện (theo NQ 26/2020/NQ-HĐND)		139.000			775.000	Bổ trí cho dự án GPMB Cảng hàng không Điện Biên (phân bổ khi có nguồn kinh phí được tạo ra từ việc đấu giá đất)
3	Xỏ số kiến thiết	30.000	30.000			36.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	1.100	1.100			24.200	
II	Vốn ngân sách trung ương	1.735.798	1.735.798	625.319	1.462.798	1.256.896	

STT	Nguồn vốn	Năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao tại QĐ 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020	Kế hoạch HĐND tỉnh giao tại NQ 191/NQ-HĐND 08/12/2020	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 24/11/2021	Ước giải ngân từ 01/01/2021 đến 31/01/2022		
1	Vốn trong nước	1.556.626	1.556.626	496.098	1.283.626	1.172.376	
2	Vốn nước ngoài	179.172	179.172	129.221	179.172	84.520	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
A	TỔNG SỐ											1.497.730			
I	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:											662.530			
1	Phân bổ cho cấp tỉnh quản lý (phần 70%)											463.771			
2	Phân bổ cho cấp huyện quản lý (phần 30%)											198.759			
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất											775.000			Thu từ sử dụng đất 1.047.200 triệu đồng. Trong đó: Đưa vào chi đầu tư cấp tỉnh quản lý 775.000 triệu đồng; còn lại chi Quỹ phát triển đất và phân chia theo tỷ lệ cho cấp huyện được hưởng
1	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh quản lý (theo NQ 34/2016/NQ-HĐND)														
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện (theo NQ 26/2020/NQ-HĐND)											775.000			Bổ trí cho dự án GPMB Cảng hàng không Điện Biên (phân bổ khi có nguồn kinh phí được tạo ra từ việc đấu giá đất)
III	Vốn xố số kiến thiết											36.000			
IV	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP											24.200			
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT											722.730			Không bao gồm 775.000 triệu đồng từ nguồn thu đấu giá đất
I	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý							1.008.369	7.000		178.883	198.759			
1	Thành phố Điện Biên Phủ							106.921			18.968	21.075			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số			
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
2	Huyện Điện Biên							130.113			23.082	25.646				
3	Huyện Tuần Giáo							125.336			22.234	24.705				
4	Huyện Điện Biên Đông							109.687			19.458	21.620				
5	Huyện Mường Ảng							82.506	7.000		14.636	16.263				
6	Huyện Mường Nhé							107.140			19.007	21.118				
7	Huyện Mường Chà							103.085			18.287	20.319				
8	Huyện Tủa Chùa							93.875			16.653	18.504				
9	Huyện Nậm Pồ							115.441			20.479	22.754				
10	Thị xã Mường Lay							34.265			6.079	6.754				
II	NSDP cấp tỉnh quản lý					6.904.708	2.271.924	1.811.788			251.686	487.971				
II.1	Vay mới, trả phí vay, lãi vay							95.200			30.032	40.900				
-	Trong đó: Bội chi NSDP											24.200				
II.2	Đối ứng các dự án ODA					1.514.321	210.899	168.278			7.673	22.655				
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên				802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	152.190			5.000	19.000				
2	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (vốn WB)_Tiểu hợp phần 1: Cấp nước cho cộng đồng dân cư				1039/QĐ-UBND 10/8/2016	154.656	15.466	655				655				
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên				6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433			2.673	3.000				
II.3	Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW							16.880				16.880				
1	Dự án trung tâm cụm xã							11.865				11.865				
2	Trung tâm giống thủy sản cấp I							227				227				
3	Đường Rạng Đông - Ta Ma							80				80				
4	Dự án giảm nghèo tỉnh Điện Biên giai đoạn 2010-2015							1.222				1.222				
5	Nhà máy nước Điện Biên Đông, huyện ĐBD							902				902				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
6	Dự án đầu tư di chuyển các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pu Si 2 đến TĐC tại bản Hua Mứ 2 và các bản Nậm Bay, Pa Cá đến định cư tại Phiêng Xanh - Mùn Chung huyện Tuần Giáo							2.500				2.500			
7	Đường Quảng Lâm - Na Cô Sa							84				84			
II.4	Các dự án trọng điểm					2.110.000	696.000	547.849			183.981	42.868			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					810.000	376.000	227.849			183.981	18.868			
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên				1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	167.849			135.849	7.000			TT dứt điểm
2	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Từu)				1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 1052/QĐ-UBND 09/6/2021	550.000	116.000	60.000			48.132	11.868			TT dứt điểm
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					1.300.000	320.000	320.000				24.000			
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên				984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	320.000				24.000			
II.5	Phân theo ngành/lĩnh vực					3.280.387	1.365.025	983.581			30.000	364.668			
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng					112.951	77.951	67.194			3.800	26.794			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					46.351	11.351	794				794			
1	Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6				1043/QĐ-UBND 10/10/2011	46.351	11.351	794				794			TT dứt điểm sau QT
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					14.600	14.600	14.400			3.000	10.000			
1	Kè chống sạt doanh trại DBB1/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên				1117/QĐ-UBND 29/10/2020	14.600	14.600	14.400			3.000	10.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					52.000	52.000	52.000			800	16.000			
1	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh				3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	5.000			400	3.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
2	Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên				642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	8.000			400	4.000				
3	Kho tang chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh				2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	4.000				1.000				
4	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên				2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	35.000				8.000				
2	Ngành/linh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội					7.000	7.000	7.000			400	4.000				
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					7.000	7.000	7.000			400	4.000				
1	Nhà làm việc câu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh				2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	7.000			400	4.000				
3	Ngành/linh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp					319.500	245.392	153.903				58.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					277.100	202.992	111.803				50.000				
1	Trường THPT Lương Thế Vinh				835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	13.200				6.000				
2	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ				1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	16.000				6.000				
3	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP				633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	13.312				5.000			LG NSDP TP	
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP				576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	11.300				5.000			LG NSDP TP	
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP				597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	10.800				5.000			LG NSDP TP	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP				616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	12.300				5.000			LG NSDP TP	
7	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sín xã Leng Su Sín				1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	11.790				8.000			LG NSDP huyện	
8	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ				1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	11.800				5.000			LG NSDP huyện	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
9	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ				1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	11.301				5.000			LG NSDP huyện
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					42.400	42.400	42.100				8.000			
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên				1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	7.700				2.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, huyện Điện Biên				1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	10.100				2.000			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa				3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	9.800				2.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ				3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	14.500				2.000			
4	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ					10.000	10.000	9.800				4.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					10.000	10.000	9.800				4.000			
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	9.800				4.000			
5	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình					40.850	40.850	34.550				17.300			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					14.850	14.850	9.550				7.700			
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CE Y tế Điện Biên				1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	9.550				7.700			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					26.000	26.000	25.000				9.600			
1	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo				1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800				2.000			
2	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa				1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800				2.000			
3	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà				1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	9.800				2.000			
4	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Nà Búng huyện Nậm Pồ				1423/QĐ-UBND 16/12/2020	2.000	2.000	1.800				1.800			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Trong đó:				Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
5	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Quảng Lâm huyện Mường Nhé				1425/QĐ-UBND 16/12/2020	2.000	2.000	1.800				1.800			
6	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin					240.680	59.119	37.688			3.400	15.188			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					220.680	39.119	17.688			3.000	14.688			
1	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh DB				903 QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ- UBND 10/3/2021	220.680	39.119	17.688			3.000	14.688			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					20.000	20.000	20.000			400	500			
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; diêm di tích nhằm phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ					20.000	20.000	20.000			400	500			
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn					16.900	10.000	10.000				10.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					16.900	10.000	10.000				10.000			
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh				3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000				10.000			
8	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao														
9	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường														
10	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế					2.081.113	594.465	348.528			19.400	188.516			
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					750.816	330.616	133.228			15.000	98.728			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					477.800	230.500	107.228			15.000	92.228			
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)				1119/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	46.174			8.000	38.174			TT dứt điểm
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên				1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ- UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500				29.500			TT dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
3	Hồ chứa nước Ấng Càng				1487/QĐ-UB 17/03/2011 06/12/2007 249/QĐ-UB	355.300	120.000	31.554			7.000	24.554			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					273.016	100.116	26.000				6.500			
1	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)				1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000				6.500			
10.2	Công nghiệp														
10.3	Giao thông					1.108.695	76.769	77.461				51.661			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					967.695	10.500	12.092				12.092			
1	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng				702/QĐ-UBND 27/7/2011; 413/QĐ-UBND 04/6/2014	105.000	10.500	9.773				9.773			Bổ trí phần vốn NSTW bị thu hồi
2	Dự án đường Mường Lay - Nậm Nhùn (giai đoạn 1)				148/QĐ-UBND 04/2/2007	862.695		2.319				2.319			Bổ trí vốn thiếu sau quyết toán
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					33.100	13.769	13.569				13.569			
1	Đường từ bản Co Đũa – TT xã Mường Khong				1334/QĐ-UBND 9/12/2020	7.500	2.969	2.969				2.969			
2	Đường từ bản Hồng Lự, xã Nà Sáy - bản Co Đũa, xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo				53/QĐ-UBND 14/01/2021	12.000	7.000	6.800				6.800			LG NSDP huyện
3	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cán, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay				988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800				3.800			LG vốn 2085
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					94.900	39.500	39.000				21.000			
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay				990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	10.500				3.000			LG vốn 2085

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
2	Đường Trung tâm xã Tênh Phông (Km1+967) - bản Thẩm Nậm, huyện Tuần Giáo				1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	10.000				7.000			LG vốn NTM
3	Quốc Lộ 279 (Trạm khí tượng) đi trung tâm Pú Tầu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên				985/QĐ-UBND 31/5/2021	22.000	7.000	6.800				3.000			LG NSDP huyện
4	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà				33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	11.700				8.000			LG NSDP huyện
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2022					13.000	13.000	12.800				5.000			
1	NC SC đường nội thị, thảm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông				748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	12.800				5.000			
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế														
10.5	Thương mại														
10.6	Cấp thoát nước					14.500	14.500	14.500			400	2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					14.500	14.500	14.500			400	2.000			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa				2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	14.500			400	2.000			
10.7	Kho tàng														
10.8	Du lịch					77.142	75.580	26.539			4.000	12.077			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					64.142	62.580	13.639			4.000	9.500			
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	TPĐBP		2011-2022	301 06/4/2011; 545/QĐ-UBND 05/7/2018; 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	13.639			4.000	9.500			TT dứt điểm
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					13.000	13.000	12.900				2.577			
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ				3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	12.900				2.577			
10.9	Bưu chính, viễn thông														
10.10	Công nghệ thông tin					22.460	22.460	22.460				12.550			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					22.460	22.460	22.460				12.550			
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025				3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	22.460				12.550			
10.11	Quy hoạch					9.700	9.700	9.700				500			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					9.700	9.700	9.700				500			
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ					9.700	9.700	9.700			150	500			
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị					97.800	64.840	64.640				11.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					97.800	64.840	64.640				11.000			
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)				1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640				5.000			LG Ngân sách huyện
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)				3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	10.000				2.000			
3	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tòa Chùa, huyện Tòa Chùa				3140/QĐ-UBND 30/11/2021	25.000	10.000	10.000				2.000			
4	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)				3142/QĐ-UBND 30/11/2021	13.000	13.000	13.000				2.000			
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX														
11	Ngành/linh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN					106.895	84.750	79.420			3.000	36.870			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					14.500	14.500	9.870			3.000	6.870			
1	Trụ sở làm việc Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên				310/QĐ-UBND 11/4/2019; 1072/QĐ-UBND 19/10/2020	14.500	14.500	9.870			3.000	6.870			TT dứt điểm
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					27.200	20.300	19.900				12.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP				629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	7.500					4.000			LG NS huyện
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ				1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200					4.000			LG NS huyện
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ				1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200					4.000			LG NS huyện
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					65.195	49.950	49.650					18.000			
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh				1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	14.850					3.000			
2	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên				3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	11.800					4.000			
3	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên				3072/QĐ-UBND 29/11/2021	8.000	8.000	8.000					3.000			
4	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng				1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	15.000					8.000			
12	Ngành/lĩnh vực: Xã hội					9.500	9.500	9.500					2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022					9.500	9.500	9.500					2.000			
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ				2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.500					2.000			
13	Vốn Chuẩn bị đầu tư					334.998	225.998	225.998					2.000			
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh				2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	6.000					200			
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2					146.000	57.000	57.000					200			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên					20.000	20.000	20.000					200			
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa					14.500	14.500	14.500					200			
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông					14.500	14.500	14.500					200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18
6	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh					28.000	28.000	28.000				200			
7	Duy tu sửa chữa tháp an ten truyền hình cao 125m					1.600	1.600	1.600				200			
8	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sớ Tài nguyên và Môi trường)					40.398	20.398	20.398				200			
9	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP					25.000	25.000	25.000				200			
10	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ					39.000	39.000	39.000				200			
III	Vốn xố số kiến thiết					259.060	229.392	141.300			5.411	36.000			
III.1	Ngành/linh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp					194.860	165.192	63.987			2.411	16.937			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					12.600	12.600	3.084			2.078	880			
1	Trường Mầm non xã Lao Xá Phình, huyện Tủa Chùa				993/QĐ-UBND 30/10/2018	12.600	12.600	3.084			2.078	880			Bổ trí vốn thiếu sau quyết toán
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					121.810	95.989	4.300			333	3.967			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh				835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	4.300			333	3.967			TT dứt điểm phần vốn XSKT
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022					24.000	24.000	24.000				8.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông				3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	11.000				3.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quải Tờ, huyện Tuần Giáo				2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	10.000				2.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Trong đó:		
														Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
3	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên				2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	3.000				3.000				
(4)	Chuẩn bị đầu tư					36.450	32.603	32.603				4.090				
1	Trại thí nghiệm thực hành Trường CĐ KTKT Điện Biên					18.450	14.603	14.603				3.748			Bổ trí vốn đền bù GPMB	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường CĐ Sư phạm					8.000	8.000	8.000				142				
3	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề					10.000	10.000	10.000				200				
III.2	Ngành/lĩnh vực: Y tế					64.200	64.200	60.513				15.463				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021					4.500	4.500	813				813				
1	Trạm y tế Phình Sáng				1076/QĐ-UBND 29/10/2019	4.500	4.500	813				813				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022					38.000	38.000	38.000				14.100				
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà				2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	5.000				3.000				
2	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pú Hông, Noong U huyện Điện Biên Đông				3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000				2.000				
3	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Mường Mơn huyện Mường Chà				2092/QĐUBND ngày 19/11/2021	1.900	1.900	1.900				1.900				
4	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pồn, Pom Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ				3004/QĐUBND ngày 19/11/2021	5.700	5.700	5.700				2.000				
5	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Xá Nhè huyện Tủa Chùa				3002/QĐUBND ngày 19/11/2021	1.900	1.900	1.900				1.900				
6	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế				2089/QĐUBND ngày 19/11/2021	12.000	12.000	12.000				2.300				
7	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên				2090/QĐUBND ngày 18/11/2021 - đã trình UBND tỉnh	6.500	6.500	6.500				1.000				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 - Vốn NSDP			Kế hoạch trung hạn vốn NSDP 2021-2025 đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch vốn NSDP năm 2022			Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			Tổng số vốn NSDP	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Trong đó:		
														Thanh toán nợ XDCB		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
(3)	Chuẩn bị đầu tư					21.700	21.700	21.700				550				
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ					1.500	1.500	1.500				50				
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cáy, Ảng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng					7.600	7.600	7.600				200				
3	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quải Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo					7.600	7.600	7.600				200				
4	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên					5.000	5.000	5.000				100				
III.3	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới							16.800			3.000	3.600				